

Tranh Chăn Trâu Luận Giải

HT Thanh Từ Dịch



---o0o---

Nguồn

<http://www.thientongvietnam.net>

Chuyển sang ebook 6-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

TỰA

TRANH THIỀN TÔNG

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 1: TÌM TRƯ

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 2

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 3: THẤY TRƯ

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 4: ĐƯỢC TRƯ

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 5: CHĂN TRƯ

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 6: CỘI TRƯ VỀ NHÌ

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 7: QŨN TRƯ CỊN NGƯỜI

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 8: NGƯỜI TRƯ ĐỀU QŨN

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 9: TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 10: TĨNH TAY VÔ CHỢ

---o0o---

TỰA

Tranh chăn trâu, hiện có ở các chùa thuộc hệ Bắc Tông thường có treo. Song, đa số người tu nhìn thấy mà không biết ý nghĩa tượng trưng qua tranh như thế nào. Vậy chúng ta nên tìm hiểu cho thấu đáo.

Đây là bài tựa của Trúc Thiên nói về xuất xứ của mười mục chăn trâu, tương đối khá đầy đủ.

Mục Ngưu Đồ là TRANH CHẶN TRÂU. Tranh ra đời từ triều đại nào, dưới ngọn bút lông nào, khó mà tra cứu cho đích xác được. Điều chắc chắn là tranh có từ xa xưa lắm, ban đầu chỉ có sáu bức, sau thất lạc luôn. Mãi đến đời Tống, thế kỷ thứ 12, nhiều bộ tranh mới bắt đầu xuất hiện từ các Tông lâm, Thiền Viện, phản ánh nhiều khuynh hướng khác nhau trong sự tu tập. Như vậy là không chỉ có một bộ mà có nhiều bộ Mục Ngưu Đồ khác nhau, tất cả đều đượm nhuần tinh thần Phật giáo Bắc Tông. Trong số ấy hiện nay được truyền tụng nhất là tranh của hai họa sĩ áo nâu THANH CƯ và QUÁCH AM.

Tuy có nhiều bộ tranh, nhưng bộ nào cũng như bộ nào, đều có mười bức, mỗi bức có một bài tụng bằng thơ tứ tuyệt, và một bài chú giải bằng văn xuôi. Đó là về phần hình thức. Còn về tinh thần thì tranh tuy có nhiều, nhưng có thể xếp thành hai loại: Loại tranh theo khuynh hướng Đại Thừa và loại tranh theo khuynh hướng Thiền Tông. Trong hai loại, tranh vẽ sai khác nhau hết nhưng bài tụng và bài chú riêng cho mỗi loại vẫn không thay đổi.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG

Tựa của Quách Am

Chơn nguyên của chư Phật chúng sanh cũng sẵn có, nhơn mê trầm luân tam giới, nhơn ngộ chóng thoát sanh tự Do đó, có Phật để thành, có chúng sanh để tạo.

Thế nên các bậc Tiên Hiền rộng nói các đường. Lý có thiên viên, giáo chia đốn tiệm. Từ thô đến tế, từ cạn đến sâu, rốt sau chỉ trong chớp mắt, Ngài Ca Diếp thấy hoa miệng cười chúm chím. Từ đây Chánh Pháp Nhãn Tạng được lưu thông trên Trời, cõi người, nơi này chốn khác. Người đạt lý thì siêu Tông việt cách, như đường chim không để dấu vết. Người nhận nơi sự thì kẹt câu như rùa linh lê đười.

Khoản này có Thiền Sư Thanh Cư xem nơi căn cơ chúng sanh hợp bịnh cho thuốc, làm bản đồ mười mục chặn trâu theo cơ nói giáo. Ban đầu đen dần dần trắng nói lên sức mạnh chưa đủ. Kế đến thuần chơn tiêu biểu căn cơ từ từ soi sáng. Sau rốt người trâu chẳng thấy, tượng trưng tâm pháp cả hai đều hết, lý ấy đã tột cội nguồn, Pháp kia vẫn còn che đậy, khiến kẻ căn cơ bậc trung hạ nghi ngờ phân vân, rơi vào không ngờ hoặc kẹt vào thường kiến.

Nay Thiên Sư Tắc Công nghĩ đến mô phạm của bậc Tiên Hiền, phát xuất từ đáy lòng mình làm những bài tụng hay, khiến ánh sáng xen nhau, ban đầu từ chỗ mất trâu rớt đến hoàn nguyên, khéo ứng hợp quần cơ như cứu người đói khát.

Rồi Từ Viễn nương đây suu tâm diệu nghĩa, lượm lật chỗ huyền vi, như con thỏ mẩu muốn đi ăn phải nương con tôm làm mất dẫn đường. Ban đầu từ tìm trâu, đến rớt sau buông thông tay vào chợ.

Đó là gắng làm dậy sóng ngang sanh đầu sừng, còn không tâm có thể tìm nào có trâu để có thể kiếm, đến buông tay vào chợ ma muội làm sao; huống là cha ông chẳng rõ, họa đến cháu con, chẳng ngại hoang đường thử làm đề xướng.

---o0o---

Giảng Giải

Hòa thượng Quách Am có nói: Nguồn chơn của chư Phật, chúng sanh ai ai cũng có sẵn, Phật có nguồn chơn ấy, chúng sanh cũng có nguồn chơn ấy. Vì chúng sanh quên (mê) nguồn chơn nên trầm luân trong tam giới. Nếu ngộ, nhận được nguồn chơn sẵn có nơi mình thì chóng thoát sanh tử. Do đó, mới có Chư Phật nhận được nguồn chơn mà thành Phật và chúng sanh còn tạo nghiệp nên đi trong tam giới.

Bởi vậy các bậc tiên hiền thương xót chúng sanh mới rộng nói các phương tiện. Những phương tiện đó, lý thì có thiên lệch hay tròn đủ, giáo thì có chia ra đốn tiệm, để khiến cho chúng sanh tu từ thô lẫn đến tế, từ cạn tới sâu. Chủ yếu rốt sau là chỗ: "Đức Phật ở trong hội Linh Sơn đưa cành hoa lên, trong chớp mắt, Ngài Ca Diếp thấy hoa sen cười chúm chím". Chính vì ngài Ca Diếp cười chúm chím nên Đức Phật mới nói: "Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng Niết Bàn Diệu Tâm, Pháp môn màu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay giao phó cho người, người khéo gìn giữ Chánh Pháp này, truyền trao mãi đừng cho dứt, đến sau sẽ truyền cho A Nan". Bởi sự truyền trao ấy nên ngài Quách Am nói: "Kể từ đó thiên mới được lưu thông, truyền đi từ nơi này đến nơi khác, từ cõi người đến cõi Trời. Người đạt lý Thiên thì siêu vượt cả hình thức tôn giáo, vượt cả tư cách thông thường của con người, giống như chim bay trong hư không, qua rồi không để lại dấu vết. Còn người chấp sự thì kẹt câu lầm lời, như rùa bò kéo lê cái đuôi. Ví dụ có người hỏi Tổ Lâm Tế: "Thế nào là Phật?". Ngài đáp: "Cục cứt khô". Qua lời đáp này, đối với người thông thì biết Tổ dùng lời để phá chấp danh từ ngôn ngữ của người mê, nên không kẹt. Nhưng đối với người không thông thì chấp lời văn, cho rằng Tổ thô lỗ, bất kính Phật. Cũng giống như rùa bò ở chỗ đất sinh đuôi nó kéo lét dưới đất, đi tới đâu cũng kéo một lần, không thoát khỏi dấu vết.

Lúc bấy giờ, thiền sư Thanh Cư xem căn cơ của chúng sanh mới tùy theo bệnh mà cho thuốc, Ngài vẽ ra tranh chẵn trâu, ban đầu là trâu đen rồi trắng dần dần để nói lên sức huân tu còn yếu chưa mạnh. Kế đến trâu trắng đã thuần chơn là tiêu biểu cho căn cơ từ từ đã soi sáng. Và sau rốt chỉ là: "Một vòng trắng" tượng trưng cho tâm và pháp cả hai đều hết, pháp là dụ cho trâu, tâm là dụ người chẵn. Trâu và chẵn không còn nữa, đó là tột chỗ cội nguồn rồi. Nhưng mà, còn cái che đây là thấy chỗ không còn người, không còn trâu, thì người đời sẽ đặt câu hỏi: "Tu đến chỗ rốt ráo không còn gì hết, rơi vào không ngơ sao? Hoặc mãi mãi là không thì rơi vào thường kiến?. Ngài Thanh Cư chỉ vẽ tới "Vòng Tròn Trắng" không còn trâu, không còn người chẵn. Các bậc Hiền Trí sợ hàng hạ căn, trung căn sanh nghi ngờ nên Thiền Sư Tác Công họa mục chín là: "Phản bản hoàn nguyên", tranh vẽ lá rụng về cội, chim bay về tổ và làm tụng. "Phản bản hoàn nguyên" là trở về nguồn cội sẵn có của mình, nói lên ý nghĩa người tu đã vào được cảnh giới của Phật, để giải nghi cho người.

Sau, ngài Từ Viễn diễn đạt thấu suốt được lý Thiền: Người tu thiền là người sẵn sàng lao mình để cứu độ chúng sanh, chớ không phải vào cảnh giới Phật để an nghỉ, nên đã họa ra mục thứ mười là "Buông thõng tay vào chợ" để tiêu biểu công hạnh giáo hóa chúng sanh của người viên mãn.

Tranh chẵn trâu từ mục thứ nhất "Tìm trâu" tới mục thứ tám "Không còn trâu, không còn người chẵn" là do thiền sư Thanh Cư họa. Kế đó, ngài Tác Công họa thêm mục thứ chín "Phản bản hoàn nguyên" và làm tụng. Sau cùng, ngài Từ Viễn họa tiếp mục thứ mười "Buông thõng tay vào chợ".

Ngài Quách Am bình: Chỗ rốt ráo không hình tướng vốn thanh tịnh sẵn vậy, mà gắng tạo ra hình tướng, đó làm cho dậy sóng. Tâm vốn thanh tịnh bỗng dung vẽ ra hình tướng, giống như đầu sừng mọc ra không manh mối, làm sao có thể tìm được, huống nữa là có trâu để tìm kiếm? Cho tới "Buông thõng tay vào chợ", đó là việc làm rất ma muội, gạt người.

Ngài nói họa ra hình tướng con trâu, thặng chẵn, là việc làm ma muội gạt người. Nhưng ngài lại khen các bậc tiền bối, vì quá từ bi tạo ra phương tiện, để cho người sau dễ thấy thứ tự mà tu hành. Song người sau không hiểu, hơn đó mà chấp hình tướng, nên nói: "Ông cha không rõ họa đến cháu con". Ngài nói họa ra tranh ảnh là chuyện hoang đường, nhưng ngài không ngại nên làm đề xướng. Trong nhà Thiền thường dùng câu: "Ông cha chẳng rõ họa đến cháu con" để khen ngợi Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Vì ngài đã đem tâm tư, sức lực để làm lợi cho chúng sanh. Ngài dám liều chết vượt biển cả, đi từ Ấn Độ sang Trung Hoa để truyền Thiền cho tổ Huệ Khả, lần đến Lục Tổ Huệ Năng... Ngài là người từ bi đáo để, vì đạo vì chúng sanh, không ngại gian khổ hiểm nguy, đây nói là "Ông cha không rõ", khen Tổ mà nói như thế đó ! Nhờ ngài truyền Thiền nên bây giờ chúng ta mới biết đề tu

mà nói: "Họa đến cháu con". Đó là ngôn ngữ đặc biệt của nhà Thiền, nếu nghe mà chấp thì không hiểu gì hết.

Nguồn: **BuddhaSasana**



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 1: TÌM TRÂU

Dẫn



Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm. Do trái tánh giác trở thành xa cách. Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp. Quê nhà dần xa lối rẽ chột lằm. Được mất dấy lên phải quấy đưa khơi.

Giải Giải

Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm: Con trâu tượng trưng cho Tánh Giác sẵn có nơi mỗi người, lúc nào cũng hiển lộ nơi sáu căn, đâu có mất, thì cần gì kiếm tìm.

Do trái tánh giác trở thành xa cách: Học kinh luận thấy Phật nói mỗi chúng sanh có sẵn Tánh Giác, nên muốn tìm, nhưng không biết nó ở đâu mà tìm. Sở dĩ không biết là vì sống chạy theo bên ngoài, trái với Tánh Giác, nên thành xa cách.

Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp: Hằng ngày chúng ta sống, sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chạy theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt, khiến Tánh Giác bị che mờ nên gọi là khuất lấp.

Quê nhà dần xa lối rẽ chột lằm: Ví như có một quê hương rất thanh bình, người người sống hòa vui hạnh phúc bỗng dung có người phóng đảng rời bỏ quê hương đi phiêu lưu lang bạt nơi này nơi kia, trải qua nhiều năm, đi mãi, càng đi càng xa cách quê hương. Bỗng một phút giây chợt thức tỉnh, họ muốn trở về quê hương, nhưng về đường xa diệu vợi, có nhiều đường mòn, lối rẽ quanh co, họ không biết phải đi lối nào.

Được mất dấy lên phải quấy đua khởi: Sở dĩ có Tánh Giác mà không nhận ra được là vì khi cần tiếp xúc với trần cảnh, tâm liền khởi phân biệt cái này đẹp, cái kia xấu. Cái đẹp thì ưa thích tìm cách tạo sắm cho được, khi được rồi thì lo bảo quản gìn giữ. Một thời gian cái đẹp đó mất đi thì buồn rầu khổ sở, kiếm tìm... Hoặc khi tiếp xúc với người, ai tử tế thì cho đó là phải, ai tệ bạc thì cho đó là quấy. Và cứ tiếp xúc là có phải, quấy, được, mất, dấy khởi không ngừng... Chúng ta học Phật ai cũng biết mình có Chơn Tâm, nhưng không sống được với Chơn Tâm là tại vì đối duyên xúc cảnh cứ thấy được, mất, phải, quấy, hơn, thua, tốt, xấu... mà không thấy cái chân thật.

Tụng

Mang mang bát thảo khứ truy tâm
Thủy hoạt sơn diêu lộ cánh thâm
Lực tận thân bì vô mịch xứ
Đản văn phong thụ văn thiên ngâm

Dịch

Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thăm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt nhòai tìm chẳng thấy
Chỉ nghe véo vát giọng ve sầu

Giải Giải

Chú mục đồng lòng nao nao bồn chồn vạch cỏ bụi để tìm kiếm trâu. Chú lội qua suối sâu, chú trèo lên núi cao, chú vượt đường dài xa thăm. Sức chú đã kiệt, tinh thần chú đã mỏi mệt, nhưng chú vẫn chẳng biết trâu ở đâu mà tìm. Trời chiều, giữa cảnh rừng rậm, chú chỉ nghe trên cây tiếng ve ngâm.

Người mới tu với tất cả ý chí dũng mãnh thiết tha, muốn tu cho thành Đạo quả, nên hết đến Đạo tràng này, lại đến Pháp hội kia để học hỏi tìm tòi. Càng đi tìm tòi học hỏi thì càng nhọc sức, vẫn không nắm bắt được cái mà mình muốn kiếm tìm. Nhìn lại, chỉ thấy sinh hoạt cũ kỹ của ngày tháng qua.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 2

Dẫn



Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết. Biết rõ vòng, xuyên... đều là vàng, cả thấy muôn vật là chính mình. Chánh tà chẳng cần biện biệt, chơn ngụy đâu cần phân chia. Chưa vào cửa này tạm gọi là thấy dấu.

Giải Giải

Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết: Người tu nhờ xem Kinh học giáo lý, mà biết mình sẵn có Tánh Giác; chỉ biết xuyên, tin xuyên chứ tự mình chưa tận mặt nhận ra. Biết rõ vòng, xuyên...đều là vàng, cả thấy muôn vật là chính mình: Tất cả đồ trang sức như vòng, xoa, xuyên, nhẫn, hoa tai...tuy hình dạng có sai khác, nhưng thể của nó vẫn là vàng. Tâm thể tròn sáng sẵn có nơi chính mình là nguồn cội sanh ra muôn pháp muôn vật, nên nói cả thấy muôn vật là chính mình. Chánh tà chẳng cần biện biệt, chơn ngụy đâu cần phân chia: Tâm thể chơn thật không hình không tướng, nên ý nghĩa lời nói không đến được. Người tu hằng sống được với tâm thể chơn thật của mình rồi, khi đối duyên xúc cảnh không cần phân biệt đây là chánh kia là tà, không còn phân chia đây là chơn kia là ngụy. Vì tất cả các pháp đều là dụng của tâm. Chưa vào cửa này tạm gọi là thấy dấu: Người chưa tự nhận ra tâm thể chơn thật của mình mà nhờ lời Phật Tổ dạy trong Kinh Luận, tin rằng mình sẵn có tâm thể ấy, nên tạm gọi là thấy dấu.

Tụng

Thùy biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo ly phi kiến dã ma
Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ
Liêu thiên tử khổng tạc tàng tha

Dịch

Ven rừng bên nước dấu liên hồi
Vạch cỏ ruộng cây thấy được thôi
Vị phải non sông lại sâu thăm

Ngát trời lỗ mũi hiện ra rồi

Giải Giải

Bên bờ sông, trên bờ suối, dưới mé rừng dẫu chân trâu rất nhiều. Nên chú mục đồng vạch cỏ cây lùm bụi để tìm trâu, chú cho rằng trâu sẽ ở đâu đây. Dẫu cho là núi sâu lại ở chỗ sâu thẳm, nhưng mà lỗ mũi cao ngát trời dẫu đâu được nữa. Tức là tìm kiếm mà thấy dẫu rồi nhất định sẽ thấy trâu không nghi ngờ.

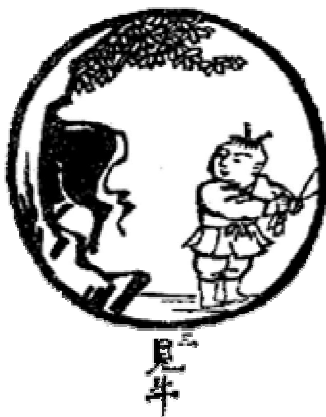
Lời Phật dạy trong Kinh, lời Tổ dạy trong Luận, trong ngữ lục, là mỗi chúng sanh đều có sẵn Tánh Giác. Hành giả tin Phật, Tổ không nói dối nên ráng sức tu tập theo lời Phật Tổ dạy, không sớm thì muộn chắc chắn sẽ được thành Phật.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 3: THẤY TRÂU

Dẫn



Từ tiếng được vào, chỗ thấy liền đúng. Cửa sáu căn rành rõ không sai, trong động dụng rành rành hiển lộ. Chất muối trong nước, sắc xanh trong keo. Vén chân mày lên chẳng phải vật khác.

Giải Giải

Trâu chỉ cho Tánh Giác không sanh không diệt sẵn có nơi mỗi người.

Từ tiếng được vào, chỗ thấy liền đúng: Khi nghe tiếng không chạy theo tiếng để phân biệt hay dở, nhân khi nghe tiếng nhận ra nơi mình có Tánh nghe, đó là cửa từ Quan Âm vào. Ở nơi mắt sẵn có Tánh thấy là cái chân thật, ở nơi mũi, nơi lưỡi cũng có cái chân thật nên nói: Cửa sáu căn rành rõ không sai. Nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý lúc nào cũng có Tánh Giác chân thật hiện tiền không mất.

Trong động dụng rành rành hiển lộ: Tánh giác hiển hiện nơi mọi động dụng của con người đâu có lúc nào thiếu vắng. Nhưng vừa động dụng là có vọng thức

xen tạp, nên người không sáng là không nhận ra được. Đây dùng ví dụ Chất muối trong nước, sắc xanh trong keo: Ngay trong nước biển có muối mà ít người biết, phải chờ đem nước lên ruộng, nước bốc hơi, muối đọng lại, thấy muối mới có tin trong nước biển có muối. Sắc xanh hòa với adao, trong hợp chất đó có lẫn trong nhau mà chúng ta không phân biệt được. Cũng vậy khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chúng ta không nhận ra Tánh thấy, Tánh nghe... là cái chân thật đang hiện hữu mà chỉ biết có nhãn thức hoặc nhĩ thức... phân biệt đẹp xấu hay dở. Nếu ngay nơi sáu căn sẵn có Tánh thấy, Tánh nghe chân thật mà nhận được thể tánh chân thật ấy đó là thấy trâu. Nên nói: Vén chân mày lên chẳng phải vật khác. Vén lông mày lên thì mắt thấy rõ chứ gì! Phải không??? Thấy trâu là nhận nơi mình có thể tánh chân thật lúc nào cũng hiển lộ nơi sáu căn.

Tụng

Hoàng Li chi thượng nhất thanh thanh
Nhật noãn phong hòa ngạn liễu thanh
Chỉ thử cánh vô hồi tị xứ
Sân sân đầu giác họa nan thành

Dịch

Hoàng anh cất tiếng hót trên cành
Nắng ấm gió hòa bờ liễu xanh
Chỉ thế, không nơi xoay trở lại
Đầu sừng rành rõ vẽ khôn thành

Giải

Trên cành cây, chim hoàng anh hót từng tiếng, từng tiếng. Trời âm, gió mát, trên bờ có rặng liễu xanh. Chỉ ở đây, không có chỗ xoay lại được nữa. Rõ ràng trâu hiện đầu sừng ra rồi mà vẽ không được.

Ngay khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, không khởi thức phân biệt đẹp xấu, hay dở, thấy chỉ thấy, nghe chỉ nghe...ngay khi đó Tánh thấy, Tánh nghe đang hiện hữu rõ ràng. Thể Tánh chân thật hiển hiện rõ ràng mà không diễn tả được.



---oOo---

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 4: ĐƯỢC TRÂU

Dẫn



得牛

Vùi lạp ngoài đồng hoang đã lâu, ngày nay gặp được y. Do cảnh đẹp nên khó đuổi, mền cỏ non chẳng chịu thôi. Tâm ngang ngạnh khá mạnh, tánh hoang dã vẫn còn. Muốn được thuận hòa cần phải roi vọt.

Giải Giải

Vùi lạp ngoài đồng hoang đã lâu, ngày nay gặp được y: Mỗi người chúng ta có tâm thể chân thật, mà bị vọng tình phủ che nhiều đời nhiều kiếp. Giống con trâu bị cỏ cây vùi lạp ngoài đồng hoang.

Nay tuy đã nhận ra được tâm thể chân thật của chính mình, vậy mà khi nghe nói trái tai thì sân si liền dậy khởi ... chỉ nghe toàn tiếng hơn thua phải quấy, chớ không nhớ mình có sẵn Tánh nghe là tâm thể chân thật đang hiện hữu, cho nên nói vùi lạp ở ngoài đồng hoang. Do cảnh đẹp nên khó đuổi, mền cỏ non chẳng chịu thôi vì trâu còn mê cảnh đẹp, đuổi nó không chịu về, nó thích cỏ non cứ mãi mê ăn chẳng chịu thôi. Chú mục đồng xô mũi kéo nó, nó không chịu quay đầu. Tánh thấy, tánh nghe tự nó không có đuổi theo ngoại cảnh, chỉ vì vọng tình, vọng thức che làm mờ đi. Chúng ta muốn cho nó luôn luôn hiển lộ mà ngược lại tình thức cứ phủ che làm cho nó khuất mờ. Tâm ngang ngạnh khá mạnh, tánh hoang dã vẫn còn : Tuy nhận ra tánh giác rồi, nhưng chưa phải xong việc mà còn phải gìn giữ nó luôn hiển hữu, song gìn giữ không phải dễ dàng. Vì thói quen lâu đời như mắt thấy sắc liền phân biệt tốt xấu, tai nghe tiếng liền phân biệt hay dở, mà không nhớ mình có tánh thấy, không nhớ mình có tánh nghe, chỉ rong ruổi theo hình thức, ngông cuồng chạy ngược chạy xuôi, kèm giữ thật là khó khăn. Muốn được thuận hòa cần phải roi vọt : muốn cho tâm được an tịnh, không chạy theo trần cảnh, thì khi vừa thấy vọng niệm dậy khởi phải rầy: Vọng, không thật! Nếu quả mà vọng không lặn, cứ giậy khởi hoài thì la: Mày là vọng tưởng đã dẫn tao đi mãi trong luân hồi sanh tử, hôm nay muốn dẫn tao xuống địa ngục nữa sao? Rầy la đó gọi là roi vọt trừng trị tâm thức ngông cuồng. Đó là hình ảnh diễn tả tâm thức cuồng loạn chạy ngược chạy xuôi. Nhưng cách diễn tả này có chỗ không hợp nhất, con trâu chỉ cho tánh giác chân thật, mà cái chân thật thì không chạy. Bởi tình thức vọng động ngăn che làm cho tánh giác khuất đi, tình thức vọng động lặn rồi thì tâm thể hiển lộ. Đây mượn hình ảnh con trâu ngông cuồng nói lên sự gìn giữ tâm chân thật luôn luôn hiển lộ thật là khó.

Tụng

Kiệt tận thần thông hoạch đắc cừ
Tâm cường lực tráng tốt nan trừ
Hữu thời tài đáo cao nguyên thượng
Hựu nhập yên vân thâm xứ cư

Dịch

Dùng hết thần thông bắt được y
Tâm hùng sức mạnh khó khăn gì
Có khi vừa hướng cao nguyên tiến
Lại xuống khói mây mãi nằm ý

Giải Giải

Chú mục đồng tận dụng hết sức lực mới bắt được trâu, xỏ mũi cột vào. Tuy bắt được nó rồi, nhưng tâm nó càng cường, sức nó mạnh nên khó chế ngự điều phục, lại có khi nó vừa đến cao nguyên lại chui vào mây khói ở sâu trong đó.

Hành giả đã tận lực huân tu mới nhận được thể tánh chân thật của chính mình. Tuy đã nhận ra, nhưng nó không thường hiển lộ, vì tập khí lâu đời nên mỗi khi căn tiếp xúc trần liên phân biệt tốt xấu hay dở, chớ không nhớ mình có cái biết không phân biệt, và cứ như thế chạy theo trần cảnh khởi vô số vọng niệm khó mà điều phục. Cao nguyên là dụ cho tâm thể chơn thật đang hiển hiện, mây khói là dụ cho thức tình vọng tưởng. Có khi tâm thể chơn thật mới vừa hiện ra chưa được ba phút, nó lại ẩn trong đám mây mờ vọng tưởng đang dấy khởi. Bị vọng tưởng che phủ, nó không hiện hữu giống như trâu lên cao nguyên đứng thì dễ thấy, nếu nó lúi vô đám sương mù thì mất hút. Tâm chúng ta cũng vậy, mới vừa an lặng rõ ràng hiện tại, bất chợt vọng niệm dấy khởi liền che mắt, thật lâu mới hiện lại, hiện trong phút chốc rồi lại bởi vọng tưởng nữa. Hình ảnh này diễn tả thật cụ thể sự tư tập rất khó khăn ở giai đoạn đầu.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 5: CHẶN TRÂU



Dẫn

Nghĩ trước vừa dấy, niệm sau liền theo. Do giác nên được thành chơn, bởi mê lầm nên làm thành vọng. Chẳng phải do cảnh có, chỉ tự tâm sanh. Dây mũi nắm chắc không cho toan tính.

Giải Giải

Nghĩ trước vừa dấy, niệm sau liền theo: Vừa khởi nghĩ về cảnh về người liền có ý niệm về cảnh về người hiện ra, niệm này vừa dứt, niệm khác tiếp theo dấy khởi liên tục. Do giác nên được thành chơn, bởi mê lầm nên làm thành vọng Niệm vừa khởi liền biết nó là vọng tưởng không theo, vọng tưởng lặng thì thành chơn. Nếu mê, niệm khởi chạy theo niệm, niệm này tiếp niệm khác nên làm thành vọng. Chỗ này diễn đạt đầy đủ ý nghĩa của sự tu hành: niệm khởi, ngay đó liền giác thì thành chơn, nếu mê chạy theo niệm thì thành vọng. Lục Tổ nói: "Không sợ niệm khởi mà sợ giác chậm" là đây vậy. Chẳng phải do cảnh có, chỉ tự tâm sanh: Khi lên bờ đoàn ngồi thiền, tâm hành giả không có cảnh vật gì cả. Vậy mà ngồi một chút nhớ chuyện năm xưa, nghĩ chuyện năm tới, đủ mọi cảnh vật hiện ra. Đó là không đợi có cảnh mới dấy niệm, mà chính nơi tâm sanh khởi niệm và sanh khởi hoài. Vậy nên phải Dây mũi nắm chắc không cho toan tính : Tuy con trâu đã theo chú mục đồng, nhưng chú không dám buông dây mũi sợ nó chạy bậy vào lúa mạ người. Cũng vậy, chúng ta tuy biết rõ ràng ý niệm là vọng tưởng, không phải là tánh giác chân thật của chính mình, song nếu chúng ta lơ lửng, tỉnh giác yếu thì vọng niệm dấy khởi liền chạy theo. Vì vậy mà phải tỉnh giác miên mật, lâu ngày mới thuần thực.

Ai tới mục này ? - Ai tiến tới mục này là đã đi được nửa đường tu rồi đó!

Tụng

Tiên sách thời thời bất ly thân
Khủng y tủng bộ nhập ai trần
Tương tương mục đặc thuần hòa dã
Cơ tọa vô ức tự trạc nhân

Dịch

Nắm chặt dây roi chẳng lia thân
Ngại y chạy sông vào bụi trần
Chăm chăm chặn giữ thuần hòa dã
Dây mũi buông rồi vẫn theo gần

Giải Giải

Roi và dây chú mục đồng luôn luôn nắm trong tay không bao giờ rời. Chú sợ trâu nhảy vọt vào lùm bụi, nên phải luôn luôn chặn thật kỹ. Bao giờ trâu được thuần rồi, thì chùng đó mới buông dây mũi không kèm chế nữa, trâu tự nó đi theo chú.

Tuy đã nhận ra thể tánh chân thật rồi nhưng vọng niệm vẫn còn đầy khởi, nên hành giả phải luôn luôn phản tỉnh, niệm đầy lên liền biết không theo, và thường xuyên tỉnh giác. Như thế thì lâu ngày tâm sẽ thuần, chùng đó muốn khởi niệm thì niệm khởi, không muốn niệm khởi thì tâm lặng lẽ thanh tịnh.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 6: CÔI TRÂU VỀ NHÀ

Dẫn



歸騎
象牛

Can qua đã hết, được mát về không. Hát khúc ca ông tiêu, thổi bản nhạc của chú mục đồng. Ngồi ngang trên lưng trâu mắt ngắm trời mây. Kêu gọi không xoay đầu, kéo lôi chẳng đứng.

Giải Giải

Can qua đã hết, được mát về không: Trâu đã thuần rồi, không còn đánh đập hay gì kéo nó nữa. Lúc đó được mát không còn quan tâm, vì thấy được, mát, phải, quây đều không thật, chỉ là giả lập, thì có cái gì phải bận lòng. Hát khúc ca ông tiêu, thổi bản nhạc của chú mục đồng. Ngồi ngang trên lưng trâu mắt ngắm trời mây: Mọi việc thịnh suy của cuộc đời, hành giả không bận lòng. Do đó tâm được thư thả nhàn hạ, nên mới thổi nhạc của kẻ chăn trâu, hát bài ca của người đốn củi, tâm bình thản ngắm nhìn trời

mây, không bị ngoại cảnh chi phối, thường được thanh bình an vui. Kêu gọi không xoay đầu, kéo lôi chẳng đứng: Khi tâm được thanh tịnh bình an thì dù cho ngoại duyên có quấy rầy lôi cuốn, lòng vẫn không vương bận, hoặc ngoại duyên có làm xúc nã cũng không buồn giận, vẫn bình thản vô tư mà sống với Đạo.

Tụng

Kỵ ngư đà lê dục hoàn gia
Khương địch thanh thanh tổng văn hà
Nhất phách nhất ca vô hạn ý
Tri âm hà tất cố thân nha

Dịch

Cỡi trâu thong thả trở về nhà
Tiếng sáo vi vi tiễn văn hà
Một nhịp một ca vô hạn ý
Tri âm nào phải động môi à

Giải Giải

Chú mục đồng cỡi trâu đi bên vệ đường để trở về quê nhà. Tiễn biệt trời chiều, miệng chú thổi sáo vi vu, tay chú gõ nhịp, chú ca câu ca tuyệt vời. Bây giờ trâu đã trở thành bạn tri âm của chú, chú đâu nó đó, chú không còn rầy la đánh đập nó nữa.

Người tu thiền điều phục tâm đến chỗ thị phi gác bỏ ngoài tai, được mát không bận lòng, sống trọn ngày chỉ biết cười vui, tự mình cũng không còn nhọc nhằn dụng công. Người hướng dẫn tu cũng vui cười, không còn bận lòng nhắc nhở hoặc la rầy.



---o0o---

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 7: QUÊN TRÂU CÒN NGƯỜI

Dẫn



Pháp không hai pháp, trâu gọi là tâm. Dụ tên khác của thỏ bẫy, bày sai biệt của cá tôm. Như vàng ra khỏi khoáng, tợ trăng không mây. Một đường quang sáng, ngoài kiếp oai âm.

Giải Giải

Pháp không hai pháp, trâu gọi là tâm: Tâm thể chân thật không hình tướng, vượt ra ngoài đối đãi hai bên, nên gọi là pháp không hai. Trâu chỉ cho tâm hay gọi là Thiên. Dụ tên khác của thỏ bẫy, bày sai biệt của cá tôm: Người bẫy thỏ làm cái bẫy để bắt thỏ, con thỏ và cái bẫy là hai loại khác nhau. khi làm cái bẫy gài thỏ thì được gọi là bẫy thỏ. Nghĩa là cái bẫy là cái bẫy, con thỏ là con thỏ, nhưng vì cái bẫy để gài thỏ nên được gọi là bẫy thỏ. Cũng như cái nôm dùng để bắt cá, gọi là cá nôm, thật thì cái nôm không phải là con cá. Cũng vậy, con trâu tượng trưng cho tâm (thể), tâm không phải là trâu. Ở đây, mượn ngôn từ con trâu nói na ná cho người hiểu, nương theo đó để mà tu tập. Như vàng ra khỏi khoáng, tợ trăng không mây: Vàng đã lọc rồi, thì thuần là vàng, không còn có cát sạn lẫn lộn. Như mặt trăng trong trời không mây sáng rõ. Người tu đến đây, tâm thanh tịnh sáng suốt không bị vẩn đục bởi tình thức loạn tưởng, giống như vàng ròng, hay mặt trăng sáng đêm không mây. Một đường quang sáng, ngoài kiếp oai âm: Chỉ còn một tâm thể thanh tịnh sáng suốt, không chút vọng thức xen tạp, nên xuyên suốt cả không gian và thời gian, đối với không gian thì không thấy có giới hạn, với thời gian thì thấy không có thủy, không có chung. Người tu tới đây thường lầm cho là đã thành Phật vì tâm thể thật thanh tịnh sáng suốt.

Tụng

Kỳ ngư dĩ đắc đáo gian san
Ngư dã không hề nhân dã nhàn
Hồng nhật tam can du tác mộng
Tiên thẳng không đón thảo đường gian

Dịch

Cởi trâu về thẳng đến gian san
Trâu đã không rồi, người cũng nhàn
Mặt nhật ba sào vẫn say mộng
Dây roi dẹp bỏ bên cạnh sàng

Giải

Chú mục đồng đã cởi trâu về đến nhà rồi, chú không còn bận lòng nghĩ đến trâu để chăn giữ nữa, nên nói trâu đã không còn, chú được rảnh rang nhàn rỗi nên sáng ngày, mặt trời lên ba sào mà chú vẫn còn ngủ say. Khi ấy, dụng cụ chăn trâu như roi dây không cần, quăng hết vô nhà cỏ.

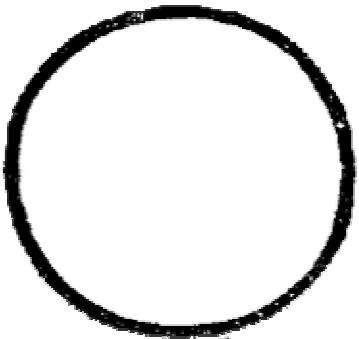
Cũng vậy, khi tâm vọng tưởng không còn đầy khởi nữa, hoàn toàn lặng lẽ, tức là tâm đã trở lại chỗ ban sơ thanh tịnh sáng suốt thì hành giả không còn dụng công tu tập nữa, đối với mọi vật không bận lòng, tùy thời đói ăn mệt ngủ.



---o0o---

TRANH THIỀN TÔNG SỐ 8: NGƯỜI TRÂU ĐỀU QUÊN

Dẫn



Tình phàm rơi rớt, ý thành đều không, chỗ có Phật chẳng cần ngao du, chỗ không Phật phải chạy qua gấp. Hai đầu không dính, ngàn mắt khó xem. Trăm chim ngậm hoa, một trường bối rối.

Giải

Tình phàm rơi rớt, ý thành đều không: Chúng sanh còn mê cho nên là phàm, thấy mình mê, biết Phật giác gọi đó là Thánh. Khi không còn thấy phàm thánh đối đãi nữa, nên nói phàm thánh đều không. Do đó trong nhà Thiền hay nói chỗ có Phật chẳng cần ngao du, chỗ không Phật phải chạy qua gấp. Chỗ không Phật phải chạy qua gấp thì hợp lý, nhưng chỗ có Phật sao không cần ngao du? Vì: "Có Phật",

"Không Phật" là ngôn ngữ hai bên đối đãi, giả lập không thật nên phải vượt qua. Qua hết đối đãi là không còn trâu, không còn người chăn. Hai đầu không dính, ngàn mắt khó xem: Khi tâm không còn dính mắc hai bên đối đãi, tranh chỉ là vòng tròn trắng tượng trưng tánh Viên Giác. Tánh Viên Giác thì không có một vật, không hình, không tướng thì thấy cái gì ? Cho nên nói ngàn mắt khó xem. Trăm chim ngậm hoa, một trường bối rối: Đây dẫn chuyện của ngài Ngưu Đầu Pháp Dung. Trước khi gặp Tứ Tổ Đạo Tín, Ngài quán từ bi nên được chim thương mến đem hoa trái đến cúng dường. Khi gặp Tứ Tổ Đạo Tín dạy buông hết cả kiến chấp hai bên, ngài tu một thời gian sạch hết vọng niệm hai bên, thì từ đó chim không cúng dường hoa trái nữa. Đối với người chưa thấu lý Thiên, thì cho rằng trước Ngài tu cao có nhiều phước, nên được chim cúng dường, sau ngài tu dờ ít phước, nên chim không cúng dường nữa. Lý đó không đúng, vì tu đến chỗ không còn thấy hai bên, không còn khởi niệm để quán, nên chim không thấy không biết và không đem hoa trái đến cúng dường. Nếu người tu còn để chur Thiên hay chim đem hoa trái đến cúng dường là còn niệm, còn quán, nên nói rằng còn bối rối, chưa ra khỏi hai bên.

Tụng

Tiên sách nhân ngu tận thuộc không
Bích thiên lưu quách tín nan thông
Hồng lô diệm thượng tranh dung tuyết
Đáo thủ phương năng hiệp Tổ Tông

Dịch

Roi gậy người trâu thả đều không
Trời xanh thăm thăm tín chẳng thông
Lò hồng hừng hực nào dung tuyết
Đến đó mới hay hiệp Tổ Tông

Giải Giải

Trâu đã không nên roi gậy cũng bỏ, người chăn cũng không nốt. Trời xanh thênh thang không có một gợn mây, thì lúc đó trông thấy cái gì? Cho nên tin tức không thông được. Lò lửa đỏ hừng đâu còn một mảnh tuyết. Chùng đó mới hiệp với con đường Phật Tổ đi.

Người khi đã vượt qua kiến chấp đối đãi hai bên thì không còn ngã và pháp. Ngã pháp không còn thì trí tuệ viên mãn, nên tượng trưng bằng vòng tròn Viên giác, chỗ mà Lục Tổ nói: "Bản lai vô nhất vật" đó vậy.



---o0o---

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 9: TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

Dẫn



Xưa nay thanh tịnh, chẳng nhận mảy trần.
Xem có tướng phải chịu tươi khô, ở vô vi thì ngưng
lặng. Chẳng đồng huyễn hóa đâu nhờ tu hành. Nước
biếc non xanh ngòi xem thành bại.

Giải

Xưa nay thanh tịnh, chẳng nhận mảy trần:
Bản nguyên chân thật của mỗi người xưa nay vốn là
thanh tịnh, không có một vật thì bụi trần làm sao
dính được. Xem có tướng phải chịu tươi khô, ở vô
vi thì ngưng lặng: Nếu vật có hình tướng thì bị vô
thường chi phối, có tươi, có khô, có sanh có diệt, luôn luôn biến đổi. Nếu là vô vi
không hình tướng thì chìm trong vắng lặng. Vậy, pháp có tướng thì sanh diệt,
không tướng thì chìm trong trống lặng nên phải vượt qua. Chẳng đồng huyễn hóa
đâu nhờ tu hành: Bản nguyên chân thật của mỗi người không phải là pháp hư dối
huyễn hóa thì đâu nhờ dụng công tu hành mà được. Vì nó vốn sẵn có như vậy.
Nước biếc non xanh ngòi xem thành bại: Người mà sống với bản nguyên của mình,
thì đối với các pháp thì thấy rõ bản vị của nó, tâm không mê muội, dao động dính
mắc. Thiền sư Duy Tín nói: (1) Chưa gặp thiện tri thức, thấy núi sông là núi sông.
(2) Gặp thiện tri thức chỉ dạy, thấy núi sông không phải là núi sông. (3) Bây giờ ba
mươi năm, thấy núi sông là núi sông. Giai đoạn (3) thấy núi sông là núi sông đó
là "Nước biếc non xanh ngòi xem thành bại". Đó là trở về nguồn, là phản bản
hoàn nguyên.

Tụng

Phản bổ hoàn nguyên dĩ phí công
Tranh như trực hạ nhược manh lung
Am trung bất kiến am tiên vật
Thủy tự mang mang hoa tự hồng

Dịch

Phản bản hoàn nguyên đã phí công
Đâu bằng thẳng đó tợ mù câm
Trong am chẳng thấy ngoài vật khác
Nước tợ mênh mông hoa tợ hồng

Giải Giải

Cội nguồn là tâm thể chân thật, nó vốn sẵn như vậy, không cần phí công để tìm, không cần phí sức để trở lại. Chỉ cần mắt thấy sắc không phân biệt đẹp xấu, Tai nghe tiếng không phân biệt hay dở. Thấy nghe mà không phân biệt tốt xấu, hay dở, cũng giống như mù như điếc nên nói mù câm. Trong am là chỉ cho tâm thể thành thang trùm khắp không có một vật gì ngoài nó. Chờng đó mới thấy tợ tại, thấy nước mênh mông, thấy hoa tợ nở hồng nở tía mà không bận tâm không vướng mắc, đó là phản bản hoàn nguyên, gọi là vào cảnh giới Phật.



---o0o---

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 10: THỐNG TAY VÀO CHỢ

Dẫn



通
手
入
十
夏
年
十
月
十
日
畫
於
滬
上

Đóng cánh cửa gỗ ngàn Thánh chẳng biết.
Vùi phong quang chính mình, phụ lồi mòn của bậc
hiền trước. Mang bầu vào chợ, mang gậy vào nhà.
Quán rượu hàng cá chuyển thành Phật Đạo.

Giải Giải

Đóng cánh cửa gỗ ngàn Thánh chẳng biết:
Sau khi vào Phật giới, hành giả sửa soạn để vào ma
giới là đóng cửa am, xuống núi đi vào xóm làng chợ
búa. Việc làm này, chỉ tợ biết chớ không ai biết
được, cho tới Thánh cũng không biết nữa. Vùi phong quang chính mình, phụ lồi
mòn của bậc hiền trước: Tuy đã giác ngộ sáng suốt mà tợ ẩn mình, không để cho
người biết mình là người tu đã ngộ đạo. Xưa, các bậc Hiền đã ngộ đạo rồi thì làm
mẫu mực để giáo hóa chỉ dạy tín đồ, tăng ni. Ngược lại, ở đây Thiên Sư lại bỏ
hình tướng của người tu thanh tịnh mà đi vào xóm làng làm con người rất tầm
thường, không theo gương người xưa làm mẫu mực cho đời, để mang bầu vào chợ,
mang gậy vào nhà. Quán rượu hàng cá chuyển thành Phật Đạo: Bây giờ Thiên Sư

vào quán rượu không phải để uống rượu, lại hàng cá không phải để mua cá, mà để gần gũi giúp đỡ, hướng dẫn người uống rượu, người bán cá về với Đạo. Chấp nhận hình ảnh xấu xa tầm thường để đưa người đến với Đạo là hành động tích cực của người tu Thiền. Tinh thần tích cực của Phật Giáo là không riêng nhận sự an lạc cho bản thân, mà tự che khuất mình bằng cách giả dạng con người rất tầm thường, đi vào chỗ tầm thường, để gần gũi người tầm thường thiếu đạo đức, chuyển họ về với Đạo.

Tụng

Lộ hung tiền túc nhập trần lai
Phù thổ đồ khô tiểu mãn tai
Bất dụng thần tiên chơn bí quyết
Trực giao khô mộc phóng hoa khai

Dịch

Chân trần bày ngực thẳng vào thành
Tô đất trét bùn nụ cười thanh
Bí quyết thần tiên đâu cần đến
Cây khô cũng khiến nở hoa lành

Giải

Thiền Sư mặc áo bày ngực, chân không dày dép đi vào chợ để làm những việc rất tầm thường như người đời. Miệng cười hí hạ tới mép tai, không cần gìn giữ giới hạnh mẫu mực của người tu, không thuyết giảng giáo lý cao sâu mầu nhiệm, chỉ làm con người rất bình thường để dạy cho những người bán cá, bán thịt ở ngoài chợ, ở quán rượu, là những con người không có chút đạo đức, khiến cho họ có chút đạo đức biết tu hành. Đó là trọng trách giáo hóa của người tu đã đến chỗ viên mãn. Chỗ này là chỗ thiết yếu, hành giả cần phải hiểu cho rõ, người tu sau khi vào cảnh giới Phật tức là đã triệt ngộ, rồi mới vào cảnh giới ma để lăn xả vào đời, làm lợi ích cho đời.

Nếu chưa ngộ, chưa vào cảnh giới Phật mà vào cảnh giới ma, tự mình đã không tu tiến mà cũng không làm lợi ích cho người được, thì chắc chắn sớm muộn gì thì cũng thành ma. Đừng nghe loáng thoáng, hiểu lơ mờ rằng mỗi người ai cũng có Phật tánh, cho rằng mình cũng có ông Phật rồi tùy ý phóng đăng, ăn nhậu, chơi bời làm chuyện tội lỗi, thì sẽ rơi vào địa ngục như tên bắn. Vì vậy, học là phải hiểu cho chính chắn, cho thấu suốt để tu tập không sai lầm, và tu đến nơi đến chốn.





Hết